

Số: 21/2022/QĐST-DS

Cao Lãnh, ngày 01 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc Hủy hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Văn Đô

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Tấn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên họp:
Trần Thị Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Trại giam Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 206/2021/TLST-VDS, ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “*Yêu cầu Hôn nhân và gia đình - Yêu cầu hủy hôn trái pháp luật*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2022/QĐST-VDS, ngày 07 tháng 3 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Bà Trần Châu N, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1970 (Nguyễn Phi H, sinh năm 1968);

Hộ khẩu thường trú: ấp B, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam X; Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cao Lãnh

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân xã M có đơn xin vắng mặt;

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Bà Trần Châu N và ông Nguyễn Văn V (Nguyễn Phi H) sau thời gian tìm

hiếu thì tiến tới hôn nhân. Hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cao Lãnh theo giấy chứng nhận số 14 ngày 23/02/2018.

Ngày 04/8/2018, ông V (H) bị bắt tại trụ sở Công an xã M, huyện Cao Lãnh theo lệnh truy nã số 02/LTN ngày 21/02/1995 của Công an tỉnh Đ. Qua tìm hiểu, bà N được biết ông V tên thật là Nguyễn Phi H, sinh năm 1968, nguyên quán L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội A, xã T, huyện Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn. Ông V (H) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị bắt ngày 01/7/1993 và bị xử phạt 06 năm tù. Trong quá trình chấp hành hình phạt, ông H (V) đã trốn khỏi nơi giam. Sau khi trốn khỏi nơi giam, ông H (V) thay đổi họ tên để đi lại.

Ông V (H) không khai đúng họ tên và không nói sự thật về nhân thân khi tìm hiểu cũng như làm thủ tục kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Do đó, việc bà N kết hôn với ông V (H) là bị lừa dối. Nay bà Trần Châu N yêu cầu Tòa án hủy hôn trái pháp luật theo đăng ký kết hôn số 14 ngày 23/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cao Lãnh giữa bà Trần Châu N, sinh năm 1987 với ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1970 (Nguyễn Phi H, sinh năm 1968) là trái pháp luật.

Tại phiên họp, ông Nguyễn Văn V (Nguyễn Phi H) trình bày không lừa dối như bà N trình bày. Khi tìm hiểu với bà N thì ông V không cho bà N biết còn có tên khác là Nguyễn Phi H, đang phải chấp hành hình phạt tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, cũng như đang bị truy nã. Ông V cho rằng tên thật là Nguyễn Văn V, còn tên chấp hành hình phạt tại Trại Giam X là Nguyễn Phi H và không lừa dối bà N nhưng không có gì chứng minh. Nay ông V cũng đồng ý hủy việc kết hôn trái pháp luật, cũng như ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Bà N và ông V (H) trình bày không có con chung. Về tài sản không yêu cầu giải quyết, khi nào có phát sinh sẽ yêu cầu sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký tòa án và việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự là đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Qua xem xét đơn yêu cầu của bà N cùng các chứng cứ kèm theo, có căn cứ xác định Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục. Khi tìm hiểu bà N để tiến đến hôn nhân nhưng ông V (H) không cho biết tên thật, cũng như nhân thân là từng phạm tội và đang bị truy nã. Việc này làm bà N hiểu không đúng về ông V và tiến tới hôn nhân. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân gia đình

2014; Điều 369 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 2, Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân gia đình; đề nghị chủ tọa chấp nhận yêu cầu của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Trần Châu N yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo đăng ký kết hôn số 14 ngày 23/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cao Lãnh giữa bà Trần Châu N, sinh năm 1987 với ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1970 (Nguyễn Phi H, sinh năm 1968). Căn cứ khoản 1 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là “Yêu cầu về Hôn nhân và gia đình - Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật”;

[2] Bà N và ông V (H) đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; căn cứ khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu của người bà N: Bà N và ông V (H) qua tìm hiểu tiến tới hôn nhân. Hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cao Lãnh theo giấy chứng nhận số 14 ngày 23/02/2018. Bà N trình bày khi tìm hiểu tiến hành đăng ký kết ông V không khai tên thật của mình là Nguyễn Phi H, sinh năm 1968, đang bị truy nã do trốn khỏi nơi giam. Việc che dấu nhân thân làm bà N hiểu sai về ông V (H) nên tiến tới đăng ký kết hôn. Bà N cho rằng mình bị lừa dối nên yêu cầu hủy hôn trái pháp luật.

[4] Tại văn bản số 29/UBND-HC ngày 04/3/2021, của Ủy ban nhân dân xã M cung cấp thông tin như sau: Khi tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn giữa bà Trần Châu N và ông Nguyễn Văn V thì có yêu cầu ông V xuất trình giấy tờ tùy thân là hộ chiếu. Đồng thời, ông V cũng xuất trình giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 08/UBND-XNTTHN ngày 24/01/2018, của Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 18/UBND-XNTTHN ngày 11/01/2018, của Ủy ban nhân phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là Nguyễn Văn V, sinh ngày 22/02/1970.

[5] Tại kết luận số 549/KL- KTHS ngày 04/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận như sau: *“Dấu vân tay tay trên danh bản số 16646, lập ngày 5-8-93, tại CA/ B Hòa; họ tên Nguyễn Phi H, sinh năm 1968, nơi ĐKHKT: Đội A, xã T, huyện Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn với dấu vân tay in ở ô ngón trỏ phải trên Tờ khai chứng minh nhân dân số 342065673, họ tên: Nguyễn Văn V, tên gọi khác: Nguyễn Văn H, sinh ngày 22/02/1970, nguyên quán: Hà Nam, nơi ĐKKH thường trú: Ấp A, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp do cùng một người in ra”*.

[6] Tại phiên họp, ông V (H) cũng thừa nhận khi tìm hiểu không cho bà N biết còn tên Nguyễn Phi H đang phải chấp hành hình phạt tù và đang bị truy nã. Ông V đồng ý hủy việc đăng ký kết hôn theo yêu cầu của bà N. Riêng con chung bà N và ông V (H) trình bày không có; về tài sản không yêu cầu, khi nào phát sinh sẽ yêu cầu sau.

[7] Tại khoản 6 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình quy định: Kết hôn trái pháp luật là việc nam nữ đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng một bên hoặc cả hai bên vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định điều kiện kết hôn (điểm b khoản 2 Điều 5 và Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình). Đồng thời, tại Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình quy định thì bà N có quyền yêu cầu hủy hôn trái pháp luật.

Theo quy định tại khoản 3, Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân gia đình có quy định: *“...3. “Lừa dối kết hôn” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình là hành vi cố của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch và dẫn đến việc đồng ý kết hôn; nếu không có hành vi hành vi này thì bên bị lừa dối đã không đồng ý kết hôn...”*.

[8] Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu tuyên bố hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Trần Châu N và ông Nguyễn Văn V theo giấy chứng nhận số 14 ngày 23/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cao Lãnh phù hợp như đã phân tích ở trên.

[9] Từ những phân tích trên có đủ cơ sở xác định: Ông V không cho thông tin đầy đủ nhân thân để bà N hiểu sai lệch và dẫn đến kết hôn. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình.

[10] Về lệ phí: Theo quy định khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà N phải nộp 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai số BI/2019/0012583 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 370 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 6 Điều 3; điểm b, khoản 2 Điều 5; Điều 8; Điều 10 và Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Khoản 3, Điều 2 và Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trần Châu N.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Trần Châu N, sinh năm 1987 với ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1970 (Nguyễn Phi H, sinh năm 1968) theo chứng nhận đăng ký kết số 14, ngày 23/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Bà Trần Châu N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0012583 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được

thông báo, niêm yết. Quyết định này có thể bị kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CCTHADS huyện Cao Lãnh;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Văn Đô